

**PHỤ LỤC 02**

**Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đến ngày 30/4/2024**

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Năm 2022		Năm 2023	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
A	<b>Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo</b>					
I	<b>Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo</b>					
1	<b>Tổng kinh phí, trong đó:</b>	<b>Triệu đồng</b>				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
	- Huy động khác	Triệu đồng				
1,1	Ngân sách trung ương, trong đó:	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1,2	Ngân sách tỉnh, trong đó	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1,3	Ngân sách huyện, trong đó	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1,3	Huy động nguồn khác nguồn khác	Triệu đồng				
2	<b>Kết quả thực hiện</b>					
2,1	Số công trình đầu tư được khởi công mới (theo từng loại công trình)	Công trình				
	<i>Công trình điện phụ vụ dân sinh</i>	<i>Công trình</i>				
	<i>Công trình giao thông</i>	<i>Công trình</i>				
	<i>Công trình văn hóa, thể thao vui chơi giải trí</i>	<i>Công trình</i>				
	<i>Công trình thủy lợi</i>	<i>Công trình</i>				
	<i>Nước sinh hoạt</i>	<i>Công trình</i>				

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Năm 2022		Năm 2023	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
	<i>Công trình trường học</i>	<i>Công trình</i>				
	.....					
	<i>Công trình dân dụng khác</i>	<i>Công trình</i>				
2,2	Số công trình được đầu tư chuyển tiếp (theo từng loại công trình)	Công trình				
	<i>Công trình văn hóa, thể thao vui chơi giải trí</i>					
	<i>Công trình thủy lợi</i>					
	.....					
2,3	Số công trình được duy tu bảo dưỡng (theo từng loại công trình)	Công trình				
	<i>Công trình văn hóa, thể thao vui chơi giải trí</i>					
	<i>Công trình thủy lợi</i>					
	<i>Nước sinh hoạt</i>					
	.....					
<b>II</b>	<b>Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025 (Không thực hiện)</b>					
<b>B</b>	<b>Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo</b>		<b>837,35</b>	<b>834,549</b>	<b>2.111</b>	<b>32,1</b>
<b>1</b>	<b>Tổng kinh phí (vốn sự nghiệp), trong đó:</b>	Triệu đồng	<b>837,35</b>	<b>834,549</b>	<b>2111</b>	<b>32,1</b>
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng	728	728	1.835	27,913
1,2	Ngân sách tỉnh	Triệu đồng	73	73	184	2,791
1,3	Ngân sách huyện	Triệu đồng	36,35	33,549	92	1,396
1,4	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
<b>2</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>					
2,1	Số dự án, mô hình giảm nghèo được triển khai (theo từng dự án)	Dự án	4	4		
2,2	Số người được hỗ trợ, trong đó thuộc:	Người	49	49		
	Hộ nghèo	Người	15	15		
	Hộ cận nghèo	Người	33	33		
	Hộ mới thoát nghèo	Người				
	Hộ khác (khuyết tật không có sinh kế ổn định)	Người	1	1		
2,3	Số phụ nữ được hỗ trợ	Người	26	26		
<b>C</b>	<b>Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng</b>		<b>417,15</b>	<b>417,15</b>	<b>1.289,00</b>	<b>988,14</b>
<b>I</b>	<b>Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp</b>		<b>417,2</b>	<b>417,2</b>	<b>1.073,0</b>	<b>853,3</b>

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Năm 2022		Năm 2023	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
<b>1</b>	<b>Tổng kinh phí (vốn sự nghiệp), trong đó:</b>	Triệu đồng	417,15	417,15	1.073,00	853,34
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng	363,00	363,00	933,00	742,00
1,2	Ngân sách tỉnh	Triệu đồng	36,00	36,00	93,00	74,23
1,3	Ngân sách huyện	Triệu đồng	18,15	18,15	47,00	37,12
1,4	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
<b>2</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>					
2,1	Số dự án, mô hình phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp được triển khai (theo từng dự án)		2	2	2	2
2,2	Số người được hỗ trợ, trong đó thuộc	Người	19	19	42	43
	Hộ nghèo	Người	6	6	17	17
	Hộ cận nghèo	Người	10	10	24	24
	Hộ mới thoát nghèo	Người	3	3	1	1
	Hộ khác	Người				
2,3	Số phụ nữ được hỗ trợ	Người				
<b>II</b>	<b>Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng</b>		-	-	<b>216,00</b>	<b>134,80</b>
<b>1</b>	<b>Tổng kinh phí (vốn sự nghiệp), trong đó:</b>	Triệu đồng			216	134,802
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng			188	117,219
1,2	Ngân sách tỉnh	Triệu đồng			19	11,722
1,3	Ngân sách huyện	Triệu đồng			9	5,861
1,4	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
<b>2</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>	trẻ				249
2,1	Số trẻ suy dinh dưỡng thấp còi dưới 5 tuổi được hỗ trợ	Trẻ				38
2,2	Số trẻ suy dinh dưỡng gầy còm dưới 5 tuổi được hỗ trợ	Trẻ				
2,3	Số trẻ suy dinh dưỡng thấp còi từ 5 đến dưới 16 tuổi được hỗ trợ	Trẻ				211
<b>D</b>	<b>Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững</b>		<b>896,00</b>	<b>358,48</b>	<b>1.767,00</b>	<b>774,67</b>
<b>I</b>	<b>Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn</b>		<b>592,80</b>	<b>73,59</b>	<b>966,00</b>	<b>321,67</b>
<b>1</b>	<b>Tổng kinh phí, trong đó:</b>	Triệu đồng	592,80	73,588	966,00	321,67
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
	- Huy động khác	Triệu đồng				

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Năm 2022		Năm 2023	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
1,1	Ngân sách trung ương, trong đó:	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng	515,00	73,588	840	279,709
1,2	Ngân sách tỉnh, trong đó:	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng	52,00		84	27,971
1,3	Ngân sách huyện, trong đó:	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng	25,80		42	13,986
1,4	Huy động nguồn khác nguồn khác	Triệu đồng				
<b>2</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>					
2,1	Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp					
	Số cơ sở giáo dục nghề nghiệp được hỗ trợ xây dựng, mua sắm thiết bị, phương tiện đào tạo, sửa chữa, cơ sở vật chất từ nguồn vốn đầu tư phát triển	Số CSGDNN				
	Số cơ sở giáo dục nghề nghiệp được hỗ trợ mua sắm thiết bị, phương tiện đào tạo, sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở vật chất từ nguồn vốn sự nghiệp	Số CSGDNN				
2,2	Xây dựng các chuẩn, phát triển hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý					
	- Số lượng chuẩn được xây dựng	Ngành/ngành				
	- Kết quả thực hiện việc phát triển hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia					
2,3	<b>Điều tra, khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm</b>					
	- Số lượng cuộc điều tra, khảo sát, dự báo nhu cầu	Cuộc điều tra			1	1
	- Kết quả, phương thức truyền thông, hướng nghiệp					
	+ Số sản phẩm tuyên truyền	bài	1	1		
	+ Số người được tư vấn hướng nghiệp	Người			1.820	1.820

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Năm 2022		Năm 2023	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
	- Kết quả thực hiện hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm...					
	- Số hoạt động tổ chức	Cuộc				
<b>2,4</b>	<b>Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã</b>					
	Số mô hình được triển khai	Mô hình				
<b>2,5</b>	<b>Đào tạo nghề cho người lao động</b>					
	Tổng số người được đào tạo (chia từng đối tượng cụ thể).	Người				
	Người thuộc hộ nghèo	Người				
	Người thuộc hộ nghèo trên địa bàn huyện nghèo	Người				
	Người thuộc hộ cận nghèo	Người				
	Người thuộc hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo	Người				
	Người mới thoát nghèo	Người				
	Người thuộc hộ mới thoát nghèo trên địa bàn huyện nghèo	Người				
	Khác	Người				
	Trên địa bàn huyện nghèo	Người				
<b>II</b>	<b>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng</b>					
<b>1</b>	<b>Tổng kinh phí (vốn sự nghiệp), trong đó:</b>	Triệu đồng				
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng				
1,2	Ngân sách tỉnh	Triệu đồng				
1,3	Ngân sách huyện	Triệu đồng				
1,4	Huy động nguồn khác nguồn khác	Triệu đồng				
<b>2</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>					
<b>2,1</b>	<b>Hỗ trợ đào tạo</b>					
a.	Tổng số lao động được hỗ trợ đào tạo	Người				
	- Chia theo đối tượng:					
	+ Lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người dân tộc thiểu số	Người				
	+ Lao động thuộc các đối tượng khác	Người				
	+ Lao động nữ					
b.	Số lao động được hỗ trợ hoàn thành các khóa đào tạo (nghề, ngoại ngữ):	Người				
c.	Kinh phí thực hiện hỗ trợ	Triệu đồng				

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Năm 2022		Năm 2023	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
2,2	<b>Tổng số lao động được hỗ trợ các chi phí khác trong quá trình đào tạo và các thủ tục xuất cảnh</b>	Người				
	- Kinh phí thực hiện hỗ trợ	Triệu đồng				
2,3	<b>Tổng số lao động đã xuất cảnh</b>	Người				
	- Chia theo đối tượng:					
	+ Lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người dân tộc thiểu số	Người				
	+ Lao động thuộc các đối tượng khác	Người				
	+ Lao động nữ					
2,4	<b>Hỗ trợ hoạt động tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng</b>					
	- Số lượt người được tư vấn	Người				
	- Kinh phí thực hiện hỗ trợ	Triệu đồng				
<b>III</b>	<b>Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững</b>		<b>303,20</b>	<b>284,89</b>	<b>801,00</b>	<b>453,01</b>
<b>1</b>	<b>Tổng kinh phí, trong đó:</b>	Triệu đồng	<b>303,20</b>	<b>284,89</b>	<b>801,00</b>	<b>453,006</b>
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng	303,2	284,887	801	453,006
	- Huy động khác	Triệu đồng				
1,1	Ngân sách trung ương, trong đó:	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng	264	252,348	696	393,919
1,2	Ngân sách tỉnh, trong đó:	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng	26	21,693	70	39,391
1,3	Ngân sách huyện, trong đó:	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng	13,2	10,846	35	19,696
1,4	Huy động nguồn khác nguồn khác	Triệu đồng				
<b>2</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>	Triệu đồng				
2,1	<b>Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin</b>					

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Năm 2022		Năm 2023	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
a	Số lượng Trung tâm dịch vụ việc làm được hỗ trợ					
b	Số lượng máy móc, trang thiết bị được đầu tư, nâng cấp	Máy móc/trang thiết bị				
c	Phần mềm được đầu tư, nâng cấp	Phần mềm				
<b>2,2</b>	<b>Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc</b>					
a	Người tìm việc được thu thập, cập nhật thông tin	người				
	Trong đó:					
	- Thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo	người				
	- Thuộc huyện nghèo	người				
	- Thuộc xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	người				
	- Lao động nữ	người				
b	Người sử dụng lao động được thu thập, cập nhật thông tin	Đơn vị				
<b>2,3</b>	<b>Hỗ trợ giao dịch việc làm</b>					
	- Số phiên giao dịch việc làm/ ngày hội việc làm	Phiên/ngày hội			1	1
	- Số doanh nghiệp, hợp tác xã, Hộ kinh doanh, Cơ sở đào tạo tham gia	Đơn vị				
	- Số lao động được hỗ trợ tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm	Người			250	150
	Trong đó:					
	+ Thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo	người				21
	+ Thuộc huyện nghèo	người				
	+ Thuộc xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	người				
	+ Lao động nữ	người				98
<b>2,4</b>	<b>Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu về dân cư</b>					
	- Số lao động được thu thập, cập nhật thông tin	Người			59.846	47.368
	Trong đó:					
	+ Thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo	Người				
	+ Thuộc huyện nghèo	Người				

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Năm 2022		Năm 2023	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
	+ Thuộc xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	Người				
	+ Lao động nữ	Người				
<b>2,5</b>	<b>Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động</b>					
	- Khảo sát/điều tra thu thập thông tin thị trường lao động	Cuộc				
	- Phân tích/dự báo thị trường lao động	Ăn phẩm				
<b>2,6</b>	<b>Hỗ trợ kết nối việc làm thành công</b>					
	- Số lao động được kết nối việc làm thành công (có giao kết hợp đồng lao động)	Người				
	Trong đó:					
	+ Thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo	Người				
	+ Thuộc huyện nghèo	Người				
	+ Thuộc xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	Người				
	+ Lao động nữ	Người				
<b>Đ</b>	<b>Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo</b>					
<b>1</b>	<b>Tổng kinh phí (vốn sự nghiệp), trong đó:</b>	Triệu đồng				
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng				
1,2	Ngân sách tỉnh	Triệu đồng				
1,3	Ngân sách huyện	Triệu đồng				
1,4	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
<b>2</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>					
2,1	Số hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ xây mới nhà ở	Hộ				
2,2	Số hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp nhà ở hiện có	Hộ				
<b>E</b>	<b>Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin</b>		<b>53,30</b>	<b>42,05</b>	<b>452,00</b>	<b>163,72</b>
<b>I</b>	<b>Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin</b>		<b>24,05</b>	<b>24,05</b>	<b>325,00</b>	<b>137,50</b>
<b>1</b>	<b>Tổng kinh phí (vốn sự nghiệp), trong đó:</b>	Triệu đồng	<b>24,05</b>	<b>24,05</b>	<b>325,00</b>	<b>137,50</b>
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng	21	21	283	119,563
1,2	Ngân sách tỉnh	Triệu đồng	2	2	28	11,956
1,3	Ngân sách huyện	Triệu đồng	1,05	1,05	14	5,981
1,4	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
<b>2</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>					



TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Năm 2022		Năm 2023	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
<b>2,1</b>	<b>Bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ thông tin, truyền truyền</b>					
2.1.1	<i>Số lượng lớp</i>	Lớp			3	
2.1.2	<i>Số lượng cán bộ</i>	Cán bộ				348
<b>2,2</b>	<b>Phát triển các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại</b>					
2.2.1	<i>Thiết lập mới Cụm thông tin điện tử</i>	Cụm				
2.2.2	<i>Nâng cấp Cụm thông tin điện tử</i>	Cụm				
<b>2,3</b>	<b>Trang bị cho các đồn biên phòng hệ thống phương tiện, thiết bị phục vụ thông tin, tuyên truyền</b>	<b>Đồn</b>				
<b>2,4</b>	<b>Thiết lập mới, nâng cấp đài truyền thanh xã ở các xã</b>					
2.4.1	<i>Đầu tư thiết lập mới đài truyền thanh xã</i>	Đài				
2.4.2	<i>Nâng cấp, mở rộng đài truyền thanh xã</i>	Đài				
<b>2,5</b>	<b>Tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội</b>					
<b>2.5.1</b>	<b>Sản xuất mới các tác phẩm báo chí và các sản phẩm truyền thông đăng tải trên mạng internet, mạng xã hội</b>					
<b>a</b>	<b>Các chương trình phát thanh, truyền hình. Trong đó:</b>					
	<i>- Số lượng chương trình phát thanh</i>	Chương trình	20	20	20	20
	<i>- Số lượng chương trình truyền hình, phóng sự</i>	Chương trình			4	4
<b>b</b>	<b>Đối với báo in</b>					
	<i>- Số lượng ấn phẩm</i>	Sản phẩm				
	<i>- Số lượng tờ phát hành</i>	Tờ				
<b>c</b>	<b>Đối với báo điện tử</b>					
	<i>- Số lượng bài/ảnh</i>	bài/ảnh				
	<i>- Số lượng file điện tử</i>	(audio/video)				
	<i>- Các hình thức khác</i>					
<b>d</b>	<b>Đối với sản phẩm truyền thông đăng tải trên mạng internet, mạng xã hội (ghi chi tiết sản</b>					
<b>2.5.2</b>	<b>Sản xuất các xuất bản phẩm mới, trong đó:</b>					
<b>a</b>	<b>Đối với xuất bản phẩm in</b>					

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Năm 2022		Năm 2023	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
	- Số đầu sách	đầu sách				
	- Số lượng sách	cuốn				
<b>b</b>	<b>Đối với xuất bản phẩm điện tử</b>					
	- Sách điện tử thông thường	Tác phẩm				
	- Sách nói.	Tác phẩm				
	- Sách Multimedia.	Tác phẩm				
	- Sách tóm tắt.	Tác phẩm				
<b>2.5.3</b>	<b>Lựa chọn tác phẩm báo chí có nội dung thiết yếu, có giá trị phổ biến lâu dài để chuyển sang định dạng số và phát hành trên không gian mạng</b>					
	- Số lượng tác phẩm báo in	Tác phẩm				
	- Số lượng tác phẩm tạp chí in	Tác phẩm				
<b>2.5.4</b>	<b>Lựa chọn xuất bản phẩm in đã xuất bản qua các thời kỳ có giá trị về nội dung và có ý nghĩa lâu dài để xuất bản dưới hình thức xuất bản phẩm điện tử</b>					
	- Số lượng sách điện tử đơn giản	Tác phẩm				
	- Số lượng sách nói	Tác phẩm				
	- Số lượng Sách Multimedia	Tác phẩm				
<b>2.5.5</b>	<b>Các sản phẩm truyền thông khác</b>					
<b>II</b>	<b>Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều</b>		<b>29,25</b>	<b>18,00</b>	<b>127,00</b>	<b>26,22</b>
<b>1</b>	<b>Tổng kinh phí (vốn sự nghiệp), trong đó:</b>	Triệu đồng	<b>29,25</b>	<b>18,00</b>	<b>127,00</b>	<b>26,22</b>
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng	25	18	110	22,80
1,2	Ngân sách tỉnh	Triệu đồng	3		11	2,28
1,3	Ngân sách huyện	Triệu đồng	1,25		6	1,14
1,4	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
<b>2</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>					
	- Số lượng chương trình phát thanh sản xuất, trong đó:					
	+ Số lượng do Bộ, ngành sản xuất	Chương trình				
	+ Số lượng do địa phương sản xuất	Chương trình	12	12		
	- Số lượng chương trình truyền hình sản xuất, trong đó:					
	+ Số lượng do Bộ, ngành sản xuất	Chương trình				
	+ Số lượng do địa phương sản xuất	Chương trình				

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Năm 2022		Năm 2023	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
	- Số lượng ấn phẩm truyền thông do Bộ, ngành, địa phương xuất bản, bao gồm:					
	+ Số lượng chuyên san được xuất bản	Ấn phẩm				
	+ Số lượng video clip được sản xuất	Clip				
	+ Số lượng tờ rơi được xuất bản	Ấn phẩm				
	- Số lượng tọa đàm, đối thoại được tổ chức thực hiện					
	+ Số lượng tọa đàm, đối thoại do Bộ, ngành tổ chức thực hiện	Cuộc				
	+ Số lượng tọa đàm, đối thoại do địa phương tổ chức thực hiện	Cuộc				
	- Số lượng sách chuyên đề về giảm nghèo do Bộ, ngành/địa phương xuất bản, bao gồm:					
	+ Số đầu sách	Ấn phẩm				
	+ Số lượng sách	Cuốn				
	- Số lượng các cuộc đối thoại chính sách giảm nghèo					
	+ Số cuộc đối thoại (theo các cấp)	Đối thoại			9	9
	+ Số người tham gia đối thoại	Người			380	380
<b>G</b>	<b>Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình</b>		<b>334,55</b>	<b>133,43</b>	<b>527,00</b>	<b>158,77</b>
<b>I</b>	<b>Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình</b>		<b>220,60</b>	<b>87,06</b>	<b>346,00</b>	<b>96,20</b>
<b>1</b>	<b>Tổng kinh phí (vốn sự nghiệp), trong đó:</b>	Triệu đồng	<b>220,60</b>	<b>87,06</b>	<b>346,00</b>	<b>96,20</b>
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng	192	87,062	301	83,652
1,2	Ngân sách tỉnh	Triệu đồng	19		30	8,365
1,3	Ngân sách huyện	Triệu đồng	9,6		15	4,183
14	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
<b>2</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>					
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cán bộ (theo các loại hoạt động)					
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp	1	1	1	1
	+ Số cán bộ được đào tạo, tập huấn	Cán bộ		268		289
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cộng đồng (theo các loại hoạt động)					
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp				
	+ Số người dân được đào tạo, tập huấn (cộng đồng)	Lượt người				
<b>II</b>	<b>Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá</b>		<b>113,95</b>	<b>46,363</b>	<b>181</b>	<b>62,57</b>
<b>1</b>	<b>Tổng kinh phí (vốn sự nghiệp), trong đó:</b>	Triệu đồng	<b>113,95</b>	<b>46,36</b>	<b>181,00</b>	<b>62,57</b>
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng	99	46,363	157	54,409

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Năm 2022		Năm 2023	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
1,2	Ngân sách tỉnh	Triệu đồng	10		16	5,441
1,3	Ngân sách huyện	Triệu đồng	4,95		8	2,720
1,4	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
<b>2</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>					
	Số đoàn kiểm tra (theo các cấp kiểm tra)	Đoàn				
	Cấp tỉnh	Đoàn				
	Cấp huyện	Đoàn	2	2	2	2
	Cấp xã	Đoàn				
	<b>Tổng kinh phí</b>	Triệu đồng	<b>2.538,35</b>	<b>1.785,65</b>	<b>6.146,00</b>	<b>2.117,40</b>
	<i>Vốn đầu tư phát triển</i>	Triệu đồng				
	<i>Vốn sự nghiệp</i>	Triệu đồng	<b>2.538,35</b>	<b>1.785,65</b>	<b>6.146,00</b>	<b>2.117,40</b>
	<i>Huy động khác</i>	Triệu đồng				
*	<b>Ngân sách trung ương</b>	Triệu đồng				
	Vốn đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	Vốn sự nghiệp	Triệu đồng	2.207	1.589	5.343	1.841
*	<b>Ngân sách tỉnh</b>	Triệu đồng				
	Vốn đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	Vốn sự nghiệp	Triệu đồng	221	133	535	184
*	<b>Ngân sách huyện</b>	Triệu đồng				
	Vốn đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	Vốn sự nghiệp	Triệu đồng	110	64	268	92
*	<b>Huy động khác</b>	Triệu đồng				



**Năm 2024**

Kế hoạch	Thực hiện
<b>2.798</b>	<b>0</b>
<b>2.798</b>	<b>0</b>
2.544	
254,00	
<b>1.425,70</b>	
<b>1.134,0</b>	

Năm 2024	
Kế hoạch	Thực hiện
1.134,00	0
1.031,00	
103,00	
<b>291,70</b>	
291,70	0
254	
25	
12,7	
<i>2.701,50</i>	
<b>1.630,90</b>	-
1.630,9	







Năm 2024	
Kế hoạch	Thực hiện
<b>1.070,60</b>	
<i>1.070,6</i>	<i>-</i>
1070,6	0
931,00	
93,00	
46,60	

Năm 2024

Kế hoạch	Thực hiện

Năm 2024	
Kế hoạch	Thực hiện
<b>290,60</b>	
<b>149,50</b>	
<i>149,50</i>	
130,00	
13,00	
6,50	

**Năm 2024**

Kế hoạch	Thực hiện



<b>Năm 2024</b>	
Kế hoạch	Thực hiện
<b>777,40</b>	
<b>491,40</b>	-
<b>491,40</b>	
<i>427,00</i>	
<i>43,00</i>	
<i>21,40</i>	
<b>286</b>	
<b>286,00</b>	
<i>260,0</i>	

Năm 2024	
Kế hoạch	Thực hiện
26,0	
<b>7.993,20</b>	<b>0,00</b>
<b>7.993,20</b>	<b>0</b>
7.118	0
711	0
164	0